

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày : 28/01/2021

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Bình

2. Bà Nguyễn Thị Bích

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh

B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Lương
Thất Tùng- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 28/01/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2020/QĐXX-ST ngày 14/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐ-ST ngày 04/01/2021 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Anh Trần Văn S, sinh năm: 1974 (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn Thùng Thành, xã Biển Đông, huyện Lục Ngạn, tỉnh B.

***Bị đơn:** Chị Hoàng Thị Th, sinh năm: 1976 (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn Thùng Thành, xã Biển Đông, huyện Lục Ngạn, tỉnh B (Hiện đang lao động tại nước ngoài).

Địa chỉ cuối cùng của chị Hoàng Thị Th tại Việt Nam là thôn Thùng Thành, xã Biển Đông, huyện Lục Ngạn, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 26/10/2020 , nguyên đơn là anh Trần Văn S trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị Th về chung sống với nhau vào tháng 11/1995 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Biển Đông, huyện Lục Ngạn, tỉnh B. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hòa thuận, sau do điều kiện kinh tế vợ chồng đã thống nhất để vợ anh đi xuất khẩu lao động từ năm 2006 đến nay. Trong khoảng thời gian đó, vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống gia đình và nhiều vấn đề khác. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Chị Th có trở về nước 2 lần nhưng chỉ về nhà mẹ đẻ trong khoảng thời gian 10 ngày lại tiếp tục đi. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị Th.

Về con chung: Anh và chị Hoàng Thị Th có 02 con chung là cháu Trần Văn H, sinh ngày 23/8/1996 và cháu Trần Thị Hồng V, sinh ngày 12/6/2004. Hiện nay cháu Trần Văn H đã trưởng thành anh không đề nghị giải quyết. Cháu Trần Thị Hồng V hiện đang ở với chị Th và ông bà ngoại. Ly hôn anh đề nghị giao cháu Trần Thị Hồng V cho Hoàng Thị Thấm nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh S còn trình bày: Hiện nay chị Th vẫn ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của chị Th ở nước ngoài anh không cung cấp được cho Tòa án được vì anh không liên lạc được với chị Th, chị Th vẫn liên lạc về gia đình nhưng bố mẹ đẻ chị Th là ông Hoàng Văn Xây và bà Đinh Thị Mây, trú tại: Xóm Khuyến Quáo, xã Biển Đông, huyện Lục Ngạn, tỉnh B cũng không cung cấp địa chỉ nên anh không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên anh không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh và chị Th được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị Hoàng Thị Th.

Bị đơn chị Hoàng Thị Th không có bản tự khai.

Ngày 30/10/2020 và ngày 23/11/2020 Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm

việc với mẹ đẻ của chị Hoàng Thị Th là bà Đinh Thị Mây, sinh năm 1951, trú tại: Thôn Khuyên Quéo, xã Biền Đ, huyện Lục Ng, tỉnh B để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà Mthông báo cho chị Th biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Trần Văn S và chị Hoàng Thị Th; yêu cầu chị Th viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu bà Mcung cấp địa chỉ cụ thể của chị Th ở nước ngoài. Tuy nhiên qua 2 lần làm việc bà Mvẫn giữ nguyên quan điểm là chị Th ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị Th ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của chị Th, đồng thời bà cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh Tuấn biết để chị Th gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị Th gửi về.

Tại đơn trình bày bà Đinh Thị Mtrình bày: Bà là bà ngoại của cháu Trần Thị Hồng V, sinh ngày 12/6/2004, kể khi chị Th đi nước ngoài tới nay cháu V ở với bà và được bà chăm sóc, được đi học và phát triển bình thường, con gái bà là chị Hoàng Thị Th vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình và thường xuyên gửi tiền về cho bà và gia đình để nuôi dưỡng chăm sóc cháu V.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Văn S vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Hoàng Thị Th vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của anh S; Biên bản làm việc với mẹ đẻ của chị Th là bà Đinh Thị Mvà thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn anh Trần Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Th không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị Th; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt chị Th là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; 238; điều

271; điều 273; khoản 2 điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn S. Xử cho anh Trần Văn S được ly hôn chị Hoàng Thị Th.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thị Hồng V sinh ngày 12/6/2004 cho chị Hoàng Thị Th nuôi dưỡng, chăm sóc.

Anh Trần Văn S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Anh Trần Văn S là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Trần Văn S.

Đối với bị đơn chị Hoàng Thị Th vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của chị Th là bà Đinh Thị Mây để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu bà M thông báo cho chị Th biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Trần Văn S và chị Hoàng Thị Th; Yêu cầu chị Th viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu bà M cung cấp địa chỉ cụ thể của chị Th ở nước ngoài. Bà Đinh Thị M trình bày: Chị Th vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà bà M vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị Th cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị Th biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Hoàng Thị Th theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền: Anh Trần Văn S là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Hoàng Thị Thấm, chị Th hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 17474/QLXNC-P5 v/v cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 06/10/2020 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì chị Th xuất nhập cảnh 07 lần, lần gần nhất là ngày 24/2/2019 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của chị Th ở Việt Nam là: Thôn Khuyên Quéo, xã Biên Đ, huyện

Lục Ng, tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Anh Trần Văn S và chị Hoàng Thị Th có đăng ký kết hôn ngày 21/7/2004 tại UBND xã Biên Đ, huyện Lục Ng, tỉnh B. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hòa thuận, sau do điều kiện kinh tế vợ chồng đã thống nhất để chị Th đi xuất khẩu lao động từ năm 2006 đến nay. Cũng từ khi chị Th đi xuất khẩu lao động vợ chồng tôi bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống gia đình và nhiều vấn đề khác. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Chị Th có trở về nước 2 lần nhưng chỉ về nhà mẹ đẻ trong khoảng thời gian 10 ngày lại tiếp tục đi. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị Th.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Văn S và chị Hoàng Thị Th. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh S và chị Th chung sống với nhau hạnh phúc, do điều kiện kinh tế nên chị Th sang nước ngoài lao động cũng từ đó mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, vợ chồng đã cắt đứt mọi liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm giữa anh S và chị Th đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn S. Xử cho anh Trần Văn S được ly hôn chị Hoàng Thị Th.

[4]. Về con chung: Anh Trần Văn S và chị Hoàng Thị Th có 02 con chung là cháu Trần Văn H, sinh năm 1996 và cháu Trần Thị Hồng V sinh ngày 12/6/2004. Hiện nay cháu Trần Văn H đã trưởng thành anh không đề nghị giải quyết. Cháu Trần Thị Hồng V hiện đang ở với chị Th và ông bà ngoại. Ly hôn anh đề nghị giao cháu Trần Thị Hồng V cho chị Th nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh không đề nghị giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn S về yêu cầu nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy từ khi chị Th đi nước ngoài lao động đến nay thì cháu V vẫn ở cùng với chị Th và ông bà ngoại (bố mẹ chị Th) cháu được ông bà ngoại chăm sóc phát

triển bình thường, chị Th vẫn thường xuyên gửi tiền về cho bố mẹ chị để nuôi dưỡng và chăm sóc cháu. Bà Mtrình bày: Nếu anh S và chị Th Ly hôn bà M vẫn đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V trong thời gian chị Th ở nước ngoài. Cháu Trần Thị Hồng V có đơn đề nghị được ở với mẹ. Do vậy, anh S đề nghị giao con chung là cháu Trần Thị Hồng V sinh 12/6/2004 cho chị Hoàng Thị Th nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với điều kiện thực tế và tránh xáo trộn cuộc sống bình thường của cháu. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn S.

Giao con chung là cháu Trần Thị Hồng V, sinh năm 12/6/2004 cho chị Hoàng Thị Th là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Anh Trần Văn S có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này.

[5]. Về tài sản, công nợ: Anh Trần Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Trần Văn S phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Văn S được ly hôn với chị Hoàng Thị Th.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị Th là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Thị Hồng V, sinh ngày 12/6/2004 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn S có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này.

3.Về án phí: Anh Trần Văn S phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000723 ngày 26/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận anh S đã nộp đủ.

4.Về quyền kháng cáo bản án: Anh Trần Văn S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Hoàng Thị Th hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Biển Động, huyện Lục Ng.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình Nguyễn Thị Bích

Trần Thị Hà

